

TỔNG CÔNG TY TNHH THÀNH PHỐ AQUA
(Tổ Chức Phát Hành)

Nghị quyết Người Sở Hữu Trái Phiếu
TPACH2125001; TPACH2124002

Số: 06/2025 - NQ - AQUA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 10 tháng 07 năm 2025

NGHỊ QUYẾT NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

TPACH2125001; TPACH2124002

(Được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 153/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;
- Căn cứ Nghị định số 65/2022/NĐ-CP của Chính Phủ ban hành ngày 16 tháng 09 năm 2022 quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 153/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Nghị định số 08/2023/NĐ-CP của Chính Phủ ban hành ngày 05 tháng 03 năm 2023 quy định về sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.
- Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;
- Quyết định số 09/QĐ-HĐTV ngày 10/08/2023 của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ban hành quy chế về thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Thành phố Aqua;
- Căn cứ Bản công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu riêng lẻ tại thị trường trong nước của Công ty TNHH Thành phố Aqua, mã Trái phiếu TPACH2125001 ngày/08/2021;
- Căn cứ Bản công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu riêng lẻ tại thị trường trong nước của Công ty TNHH Thành phố Aqua, mã Trái phiếu TPACH2124002 ngày/08/2021.
- Căn cứ Quyết định số 02/2025-QĐ-AQUA ngày 20 tháng 02 năm 2025;
- Căn cứ danh sách người sở hữu trái phiếu chốt ngày 27 tháng 03 năm 2025 do VSDC cung cấp.
- Căn cứ Công văn số 24/2025 - CV - AQUA ngày 28 / 03 / 2025 của Tổ Chức Phát Hành về việc lấy ý kiến bằng văn bản Người Sở Hữu Trái Phiếu TPACH2125001; TPACH2124002.
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu số ngày 10 / 07 / 2025.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua chấp thuận cho Tổ Chức Phát hành giải chấp tài sản bảo đảm là 13 Quyền sử dụng đất đang bảo đảm cho các Trái phiếu TPACH2125001; TPACH2124002; TPACH2024003; TPACH2025004 để đảm bảo cho nghĩa vụ của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân Đội (“MB”). Chi tiết 13 Quyền sử dụng đất theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tổ chức phát hành, Các Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm, Bên Thế Chấp và các bên có liên quan thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai thực hiện nội dung Điều 1 nêu trên.

NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU
NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI



GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH
Lưu Minh Phương Dung

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY TNHH THÀNH PHỐ AQUA



Nguyễn Mạnh Cường

DANH SÁCH 13 GCN QSDĐ GIẢI CHẤP

STT	Số GCN	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất theo GCNQSDĐ (m ²)	Mục đích sử dụng	Số vào sổ cấp giấy CN	Ngày cấp	Cơ quan cấp
Khu 6								
1	BT 180957	21	343	5.592,00	Đất ở tại nông thôn	CT 21269	18/6/2014	Sở TNMT
2	BT 180958	21	345	4.183,20	Đất ở tại nông thôn	CT 21270	18/6/2014	Sở TNMT
3	BT 180963	21	355	2.394,30	Đất ở tại nông thôn	CT 21275	18/6/2014	Sở TNMT
4	BT 180970	21	367	16.041,70	Đất ở tại nông thôn	CT 21282	18/6/2014	Sở TNMT
Khu 7								
5	BT 180912	22	163	4.214,30	Đất ở tại nông thôn	CT 21223	18/6/2014	Sở TNMT
6	BT 180915	22	166	4.245,20	Đất ở tại nông thôn	CT 21226	18/6/2014	Sở TNMT
7	BT 180923	22	173	8.402,60	Đất ở tại nông thôn	CT 21234	18/6/2014	Sở TNMT
8	BT 180916	22	168	13.227,50	Đất ở tại nông thôn	CT 21227	18/6/2014	Sở TNMT
9	BT 180919	22	170	13.789,10	Đất ở tại nông thôn	CT 21230	18/6/2014	Sở TNMT
10	BT 180924	22	174	10.425,00	Đất ở tại nông thôn	CT 21235	18/6/2014	Sở TNMT
11	BT 180930	22	179	12.907,00	Đất ở tại nông thôn	CT 21241	18/6/2014	Sở TNMT
12	BT 180928	22	178	16.447,90	Đất ở tại nông thôn	CT 21239	18/6/2014	Sở TNMT
13	BT 180931	22	180	7.543,40	Đất ở tại nông thôn	CT 21242	18/6/2014	Sở TNMT

